ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN THANH XUÂN
TRƯỜNG TIỂU HỌC KIM GIANG

SÁNG KIẾN KINH NGHIỆM

"MỘT SỐ BIỆN PHÁP DẠY TỪ VỰNG MÔN TIẾNG ANH Ở LỚP 4"

Lĩnh vực/ Môn: Tiếng Anh
Cấp học: Tiểu học
Tên tác giả: Lê Thị Hằng
Đơn vị công tác: Trường Tiểu học Kim Giang
Chức vụ: Giáo viên

Năm học 2019 - 2020

MỤC LỤC

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ 1
1. Lý do chọn đề tài. 1
2. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu 1
3. Đề tài đưa ra giải pháp mới 2
4. Hiệu quả áp dụng..... 2
5. Phạm vi áp dụng:..... 2
PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ 3
1. Cơ sở lý luận 3
2. Cơ sở thực tiễn 3
3. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu..... 3
4. Quá trình thực hiện…… ..... …...5
5. Biện pháp tổ chức thực hiện …… 8
6. Hướng dẫn học sinh học từ vựng ở nhà……...10
7. Tạo không khí học tập……..... …...12
8. Kết quả…… ..... …...12
9. Bài học kinh nghiệm…… ..... …...13
PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ ……...14
1. Kết luận: …… … 14
2. Khuyến nghị: …….. 15
TÀI LIỆU THAM KHẢO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. The Gramma in use.
2. Teaching Grammar and Vocabulary.
3. Teaching English.
4. Tạp chí thế giới trong ta.
5. Sách Tiếng Anh lớp 4
6. Method of Teaching English Grammar.

PHẦN I: ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Lý do chọn đề tài:

Chúng ta đang sống trong thế kỷ XXI thế kỷ của nền văn minh hiện đại, thế kỷ của khoa học công nghệ thông tin. Đất nước ta đang trong thời kỳ phát triển lấy nền kinh tế tri thức làm nền tảng cho sự phát triển và coi giáo dục đào tạo là quốc sách hàng đầu và cải tiến chất lượng dạy và học để hoàn thành tốt việc đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực con người cho CNH và HĐH đất nước. Để tồn tại và phát triển xây dựng và bảo vệ tổ quốc theo kịp các nước phát triển đòi hỏi chúng ta phải nắm bắt được các thành tựu tiên tiến nhất. Nhằm đưa đất nước Việt Nam trở thành một nước văn minh giàu mạnh.

Bởi vậy hệ thống các môn học trong nhà trường hiện nay là hướng tới những vấn đề cốt lõi thiết thực đó. Bộ môn Tiếng Anh tuy đưa vào phổ biến muộn hơn so với các môn học khác ở nhà trường nhưng nó lại là chìa khóa mở ra kho tàng tri thức nhân loại. Nó là người hướng đạo đưa ta tới với Thế giới bắt tay với bạn bè năm Châu, tiếp thu và lĩnh hội những tinh hoa nhân loại.

Tuy nhiên việc học Tiếng Anh ở các trường tiểu học còn gặp nhiều khó khăn đặc biệt là trong việc học và sử dụng từ vựng. Vì vậy việc dạy cho học sinh cách học và sử dụng từ vựng Tiếng Anh là để cung cấp cho học sinh một kho tàng từ điển sống về ngôn từ và cấu trúc câu, là một yêu cầu rất cần thiết trong việc học Tiếng Anh đặc biệt là với những học sinh mới làm quen với môn học Tiếng Anh.

Làm thế nào để các em có được một vốn từ vựng cần thiết và có thể sử dụng được cấu trúc của mình một cách có hiệu quả nhất. Tôi xin đưa ra một số kinh nghiệm tham khảo về việc hướng dẫn học sinh học cấu trúc ngữ pháp mà tôi đã tích luỹ được trong quá trình học tập và giảng dạy. Đó là lý do để tôi chọn đề tài ***"Một số biện pháp dạy từ vựng môn Tiếng Anh ở lớp 4"***

2. Đối tượng, phương pháp nghiên cứu:

- Học sinh lớp 4

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu, dự giờ đồng nghiệp, kiểm tra, đối chiếu, so sánh kết quả của học sinh

Tôi đã tìm tòi nghiên cứu các tài liệu, kết hợp dự giờ, thực nghiệm, kiểm tra đối chiếu các kết quả học tập của học sinh, và rút ra được phương pháp dạy tốt nhất cho các em.

3. Đề tài đưa ra giải pháp mới:

- Trước khi đi vào những vấn đề cụ thể, chúng ta thống nhất với nhau rằng, phương pháp chủ đạo trong dạy học ngoại ngữ của chúng ta là lồng ghép, nghĩa là từ mới cần được dạy trong ngữ cảnh, ngữ cảnh có thể là một vật thật, tranh ảnh hay một bài hội thoại tuy nhiên, nói đến cùng thì việc dạy và học ngoại ngữ vẫn là việc dạy từ mới như thế nào, dạy cấu trúc câu mới như thế nào để học sinh biết cách sử dụng từ mới và cấu trúc mới trong giao tiếp bằng tiếng nước ngoài.

Ngay từ đầu, giáo viên cần xem xét các thủ thuật khác nhau cho từng bước xử lý từ vựng trong các ngữ cảnh mới: gợi mở, dạy từ, kiểm tra và củng cố từ vựng.

- Có nên dạy tất cả những từ mới không? Dạy bao nhiêu từ trong một tiết thì vừa?

- Dùng sẵn mẫu câu đã học hoặc sắp học để giới thiệu từ mới.

- Dùng tranh ảnh, dụng cụ trực quan để giới thiệu từ mới.

- Đảm bảo cho học sinh nắm được cấu trúc, vận dụng từ vựng vào cấu trúc câu để hoàn thiện chức năng giao tiếp. Thiết lập mối quan hệ giữa cấu trúc mới và vốn từ đã có.

- Khắc sâu vốn từ trong trí nhớ của học sinh thông qua các mẫu câu và qua những bài tập thực hành.

4. Hiệu quả áp dụng:

- Các tiết học trở nên sôi nổi và sinh động hơn.

- Học sinh đã thuộc các từ mới ngay tại lớp học.

- Vốn từ vựng của các em tăng lên rõ rệt.

- Các em học sinh yếu kém có thể sử dụng được từ vựng vào những câu đơn giản. Những học sinh khá có thể sử dụng từ vựng trong những câu phức tạp hơn.

5. Phạm vi áp dụng:

- Có thể áp dụng cho học sinh tiểu học ở các trường tiểu học.

PHẦN II: GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ

1. Cơ sở lý luận:

Luật Giáo dục – 2005 (Điều 5) quy định "Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học, bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê học tập và ý chí vươn lên."

Với mục tiêu giáo dục phổ thông là "Giúp học sinh phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa, xây dựng tư cách và trách nhiệm công dân, chuẩn bị cho học sinh tiếp tục học lên hoặc đi vào cuộc sống lao động, tham gia xây dựng và bảo vệ tổ quốc". Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ–BGD&ĐT ngày 05/5/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã nêu: "Phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, sáng tạo của học sinh, phù hợp với đặc trưng môn học, đặc điểm đối tượng học sinh, điều kiện từng lớp học, bồi dưỡng cho học sinh phương pháp tự học, khả năng hợp tác, rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tế, tác động đến tình cảm, đem lại niềm vui, hứng thú và trách nhiệm học tập cho học sinh.

2. Cơ sở thực tiễn:

- Bất cứ một thứ tiếng nào trên thế giới, muốn giao tiếp được với nó, đòi hỏi chúng ta phải có một vốn từ. Bởi vì từ vựng là một thành phần không thể thiếu được trong ngôn ngữ, được sử dụng cho hoạt động giao tiếp. Do vậy, việc nắm vững số từ đã học để vận dụng là việc làm rất quan trọng.

- Trong Tiếng Anh chúng ta không thể rèn luyện và phát triển bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết của học sinh mà không dựa vào nền tảng của từ vựng. Thật vậy nếu không có số vốn từ cần thiết, các em sẽ không nghe được và hệ quả của nó là không nói được, đọc không được và viết cũng không xong, cho dù các em có nắm vững mẫu câu.

3. Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu:

a. Thực trạng:

- Theo phân phối chương trình hiện nay, môn Tiếng Anh tiểu học mỗi tuần 02 tiết, mà hầu như tiết nào cũng có từ mới trong bài học và kể cả trong bài tập. Nhưng muốn dạy tốt từ vựng để tiết học sinh động hơn, Giáo viên phải làm

tranh ảnh, đồ dùng để minh hoạ, tạo điều kiện cho các em nhớ từ dễ dàng và hướng sự chú ý của các em vào chủ đề hay trọng tâm bài học.

- Về sự phân bố tiết trong tuần, có khi một buổi các em phải học hai tiết Tiếng Anh liên tiếp, phải tải một số lượng từ rất nhiều. Điều này chắc chắn sẽ gây tâm lý quá tải cho một số học sinh, gây ảnh hưởng rất nhiều đến tiết học sau.

- Về phía học sinh, bên cạnh một số em học hành nghiêm túc, có không ít học sinh chỉ học qua loa, không khắc sâu được từ vựng vào trong trí nhớ, không tập đọc, tập viết thường xuyên, không thuộc nghĩa hai chiều. Đến khi giáo viên yêu cầu các em sẽ không thành công.

- Về phía học sinh, cũng rất khó khăn trong việc kiểm tra hoặc hướng dẫn các em tự học ở nhà. Bởi vì vậy là môn ngoại ngữ, không phải phụ huynh nào cũng biết. Đây cũng là vấn đề hết sức khó khăn trong quản lý việc học ở nhà của học sinh.

- Ngoài ra, cách học từ vựng của học sinh cũng là điều đáng được quan tâm, học sinh thường học từ vựng bằng cách đọc từ bằng Tiếng Anh và cố nhớ nghĩa bằng Tiếng Việt, có viết trong tập viết cũng là để đối phó với giáo viên, chứ chưa có ý thức tự kiểm tra lại mình, để khắc sâu từ mới và vốn từ sẵn có. Vì thế cho nên, các em rất mau quên và dễ dàng lẫn lộn giữa từ này với từ khác. Do vậy, nhiều học sinh đâm ra chán học và dễ quên. Cho nên giáo viên cần chú ý đến tâm lý này của học sinh.

b. Định hướng chung của đề tài:

Việc giao tiếp của trẻ vẫn còn nhiều hạn chế. Đồng hành cùng với việc thay sách, đổi mới chương trình và phương pháp dạy và học, tôi nhận thấy việc hạn chế trong giao tiếp của học sinh là do việc ít được giao tiếp bằng Tiếng Anh nên các em ít nhớ được từ. Muốn giao tiếp được bằng Tiếng Anh đòi hỏi học sinh song song với việc rèn luyện các kĩ năng là học từ vựng và có vốn từ vựng nhất định. Đối với học sinh ở bậc tiểu học, nội dung kiến thức và mẫu câu không nhiều, nhưng đòi hỏi các em phải có một lượng từ vựng nhất định để thực hành và vận dụng giao tiếp. Một số phụ huynh cho rằng nó vẫn còn sớm để các con bắt đầu học ngoại ngữ vì các con vẫn còn bé do vậy các bậc phụ huynh đó không quan tâm dẫn đến việc học của con mình. Bên cạnh đó các em học sinh ít học từ vựng và nhớ từ kém mà từ vựng lại là chiếc chìa khóa trong việc học ngoại ngữ. Sau khi phân tích những nguyên nhân làm cho học sinh sợ học Tiếng Anh, thường xuyên không thuộc bài và việc dạy từ vựng ở trường phổ thông chưa đạt hiệu quả cao.

Cụ thể vào đầu năm học khi nhận giảng dạy Tiếng Anh tiểu học, sau vài tiết học đầu tiên, tôi cho học sinh lớp 4 làm bài kiểm tra từ vựng, tôi yêu cầu các em nối từ Tiếng Anh với nghĩa từ Tiếng Việt phù hợp (Matching). Dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt, dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh. Với kết quả không được như mong muốn, tôi quyết định thử áp dụng một số kinh nghiệm dạy từ vựng của mình qua những năm đứng lớp và suốt những tiết học sau tôi áp dụng những kinh nghiệm của mình được trình bày sau đây, để cuối năm so sánh với kết quả ban đầu.

4. Quá trình thực hiện:

a. Lựa chọn từ để dạy:

Tiếng Anh là một môn học có tầm quan trọng, nó là công cụ để giao tiếp với các nước trên thế giới. Muốn giao tiếp tốt chúng ta phải có vốn từ vựng phong phú.

Ở môi trường tiểu học hiện nay, khi nói đến ngữ liệu mới là chủ yếu nói đến ngữ pháp và từ vựng, từ vựng là ngữ pháp luôn có mối quan hệ khăng khít với nhau, luôn được dạy phối hợp để làm rõ nghĩa của nhau. Tuy nhiên dạy và giới thiệu từ vựng là vấn đề cụ thể. Thông thường trong một bài học luôn xuất hiện những từ mới, song không phải từ mới nào cũng cần đưa vào để dạy. Để chọn từ cần dạy, giáo viên cần xem xét những vấn đề:

- Từ chủ động (active vocabulary)

- Từ bị động (passive vocabulary)

Chúng ta đều biết cách dạy hai loại từ này khác nhau. Từ chủ động có liên quan đến bốn kỹ năng (nghe – nói – đọc – viết). Đối với loại từ này giáo viên cần đầu tư thời gian để giới thiệu và cho học sinh luyện tập nhiều hơn.

Với từ bị động giáo viên chỉ cần dừng ở mức nhận biết, không cần đầu tư thời gian vào các hoạt động ứng dụng. Giáo viên cần biết lựa chọn và quyết định xem sẽ dạy từ nào như một từ chủ động và từ nào như một từ bị động.

- Khi dạy từ mới cần làm rõ ba yếu tố cơ bản của ngôn ngữ là:

  + Form.

  + Meaning.

  + Usage.

Đối với từ chủ động ta chỉ cho học sinh biết chữ viết và định nghĩa như từ điển thì chưa đủ, để cho học sinh biết cách dùng chúng trong giao tiếp, giáo viên cần cho học sinh biết cách phát âm, không chỉ từ riêng lẻ, mà còn biết phát âm đúng những từ đó trong chuỗi lời nói, đặc biệt là biết nghĩa của từ.

- Số lượng từ cần dạy trong bài tuỳ thuộc vào nội dung bài và trình độ của học sinh. Không bao giờ dạy tất cả các từ mới, vì sẽ không có đủ thời gian thực hiện các hoạt động khác. Tuy nhiên, trong một tiết học chỉ nên dạy tối đa là 6 từ.

- Trong khi lựa chọn từ để dạy, bạn nên xem xét đến hai điều kiện sau:

+ Từ đó có cần thiết cho việc hiểu văn bản không?

+ Từ đó có khó so với trình độ học sinh không?

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản và phù hợp với trình độ của học sinh, thì nó thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn phải dạy cho học sinh.

- Nếu từ đó cần thiết cho việc hiểu văn bản nhưng khó so với trình độ của học sinh, thì nó không thuộc nhóm từ tích cực, do đó bạn nên giải thích rồi cho học sinh hiểu nghĩa từ đó ngay.

- Nếu từ đó không cần thiết cho việc hiểu văn bản và cũng không khó lắm thì bạn nên yêu cầu học sinh đoán.

b. Các thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới:

Giáo viên có thể dùng một số thủ thuật gợi mở giới thiệu từ mới như:

b1. Visual (nhìn): cho học sinh nhìn tranh ảnh, vẽ phác hoạ cho các em nhìn, giúp giáo viên ngữ nghĩa hoá từ một cách nhanh chống.

e.g. a car

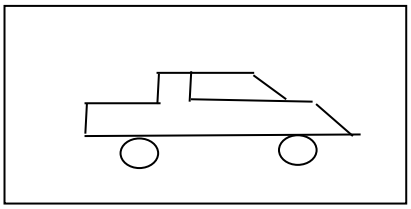

e.g. a flower

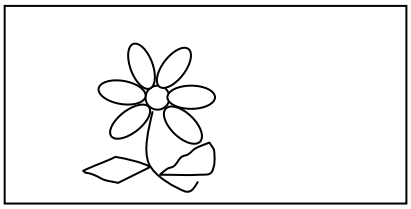

b2. Gesture (điệu bộ): Thể hiện qua nét mặt, điệu bộ.

e.g. bored Teacher looks at the watch, makes bored face and yawns T. asks, "How do l feel"	e.g. (to) jump T. jumps T. asks, "What am l doing?"

b3. Realia (vật thật): Dùng những dụng cụ trực quan thực tế có được.

e.g. limes (countable), rice (uncountable) T. brings real limes and rice into the class. T. asks, "What's this?"	e.g. open (v.), closed (v.) T. opens and closes the door T. says, "Tell me about the door: it's.....what?"

b4. Situation/explanation:

e.g. honest T. explains, "I don't tell lies. I don't cheat in the exams. I tell the truth." T. asks, "What am I? Tell me the word in Vietnamese."

b5. Example

e.g. furniture T. lists examples of fumiture: "tables, chairs, beds – these are all... furniture... Give me another example of... furniture..."	e.g. (to) complain T. saya, "This room is too noisy and too small. It's no good (etc.)" T. asks, "What am I doing?"

b6. Synonyon \ antonyon (đồng nghĩa \ trái nghĩa): Giáo viên dùng những từ đã học rồi để giảng từ đồng nghĩa hoặc trái nghĩa.

e.g. intelligent T. asks, "What's another word for clever?"	e.g. stupid T. asks, "What's the opposite of clever?"

b7. Translation (dịch): Giáo viên dùng những từ tương đương trong Tiếng Việt để giảng nghĩa từ trong Tiếng Anh. Giáo viên chỉ sử dụng thủ thuật này khi không còn cách nào khác, thủ thuật này thường được dùng để dạy từ trừu tượng, hoặc để giải quyết một số lượng từ nhiều nhưng thời gian không cho phép, giáo viên gợi ý học sinh tự dịch từ đó.

e.g. (to) forget T. asks, "How do you say `quên` in English?"

b8. T's eliciting questions:

Để giới thiệu từ mới, giáo viên dạy cho học sinh theo bốn kỹ năng nghe – nói – đọc – viết.

+ Nghe: Giáo viên đọc mẫu từ mới, học sinh lắng nghe.

+ Nói: Giáo viên đọc từ mới, học sinh đọc lại.

+ Đọc: Giáo viên viết từ mới lên bảng, học sinh đọc từ mới bằng mắt, bằng miệng.

+ Viết: Học sinh viết từ mới vào vở.

Trong khi dạy từ mới phải ghi nhớ các điểm sau: Nên giới thiệu từ trong mẫu câu, ở những tình huống giao tiếp khác nhau, giáo viên kết hợp việc làm việc đó, bằng cách thiết lập được sự quan hệ giữa từ cũ và từ mới, từ vựng phải được củng cố liên tục.

Giáo viên thường xuyên kiểm tra từ vựng vào đầu giờ bằng cách cho các em viết từ vào bảng con và giơ lên, với cách này giáo viên có thể quan sát được toàn bộ học sinh ở lớp, bắt buộc các em phải học bài và nên nhớ cho học sinh vận dụng từ vào trong mẫu câu, với những tình huống thực tế giúp các em nhớ từ lâu hơn, giao tiếp tốt và mang lại hiệu quả cao.

Để học sinh tiếp thu bài tốt đòi hỏi khi dạy từ mới, giáo viên cần phải lựa chọn các phương pháp cho phù hợp, chúng ta cần chọn cách nào ngắn nhất, nhanh nhất, mang lại hiệu quả cao nhất, là sau khi học xong từ vựng thì các em đọc được, viết được và biết cách đưa vào các tình huống thực tế.

5. Biện pháp tổ chức thực hiện:

a. Các bước tiến hành giới thiệu từ mới:

* Bước giới thiệu bài, giới thiệu chủ đề: đây là bước khá quan trọng trong việc dạy từ vựng. Bước này sẽ quyết định sự thành công của tiết học, nó sẽ gợi mở cho học sinh liên tưởng đến những từ sắp học qua chủ điểm vừa mới được giới thiệu.

Điều quan trọng nhất trong giới thiệu từ mới là phải thực hiện theo trình tự: nghe, nói, đọc, viết. Đừng bao giờ bắt đầu từ hoạt động nào khác "nghe". Hãy nhớ lại quá trình học tiếng mẹ đẻ của chúng ta, bao giờ cũng bắt đầu bằng nghe, bắt chước phát âm rồi mới tới những hoạt động khác. Hãy giúp cho học sinh của bạn có một thói quen học từ mới một cách tốt nhất:

- Bước 1: "nghe", bạn cho học sinh nghe từ mới bằng cách đọc mẫu.

- Bước 2: "nói", sau khi học sinh đã nghe được ba lần bạn mới yêu cầu học sinh nhắc lại. Khi cho học sinh nhắc lại, bạn cần chú ý cho cả lớp nhắc lại trước, sau đó mới gọi cá nhân.

- Bước 3: "đọc", bạn viết từ đó lên bảng và cho học sinh nhìn vào đó để đọc. Cho học sinh đọc cả lớp, rồi đọc cá nhân và sửa lỗi cho học sinh tới một chừng mực mà bạn cho là đạt yêu cầu.

- Bước 4: "viết", sau khi học sinh đã đọc từ đó một cách chính xác rồi bạn mới yêu cầu học sinh viết từ đó vào vở.

- Bước 5: bạn hỏi xem có học sinh nào biết nghĩa của từ đó không và yêu cầu một học sinh lên bảng viết nghĩa của từ đó bằng Tiếng Việt.

- Bước 6: đánh trọng âm từ: phát âm lại từ và yêu cầu học sinh nhận diện âm tiết có trọng âm và đánh dấu.

- Bước 7: cho câu mẫu và yêu cầu học sinh xác định từ loại của từ mới học.

b. Các thủ thuật kiểm tra và củng cố từ mới:

- Có nhiều cách giúp học sinh nhớ từ lâu. Tuy nhiên mỗi bài học có những đặc trưng riêng. Tùy vào từng nội dung bài dạy mà giáo viên có thể lựa chọn cách thức lựa chọn cho phù hợp. Giáo viên có thể thực hiện trong phần Warm up, Free Practice hoặc ngay sau khi dạy xong từ vựng…

- Để học sinh hiểu về từ vựng đó thì giáo viên phải đảm bảo được học sinh phải nắm được (meaning) nghĩa của từ, cách sử dụng (pronunciation) phát âm từ (spelling) viết được từ với những em học tốt có thể hiểu được cả word grammar hoặc interaction. Vì vậy để học sinh ghi nhớ từ vựng một cách dễ dàng người giáo viên cần phải tìm tòi, sáng tạo kết hợp nhiều biện pháp thường xuyên thay đổi các hoạt động, hình thức tổ chức, phương pháp cho phù hợp bài học với mọi đối tượng học sinh.

- Giáo viên thực hiện các trò chơi hợp lý tạo không khí lớp học vui vẻ và sinh động giúp cho học sinh có một tâm lý thoải mái để nhớ từ trong bài. Có thể thực hiện dưới hình thức các trò chơi tập thể, nhóm, cặp hoặc cá nhân. Tuy nhiên, dù thực hiện dưới hình thức nào, giáo viên cũng cần tổ chức cho tất cả học sinh trong lớp theo dõi, nhận xét để các em cùng thực hiện.

- Chúng ta biết rằng chỉ giới thiệu từ mới thôi không đủ, mà chúng ta còn phải thực hiện các bước kiểm tra và củng cố. Các thủ thuật kiểm tra và củng cố sẽ khuyến khích học sinh học tập tích cực và hiệu quả hơn. Trong hoạt động này, chúng ta có thể sử dụng để kiểm tra từ mới. Sau đây là năm thủ thuật kiểm tra từ mới:

1. Rub out and Remember (giải thích – ví dụ)
2. Slap the board (giải thích – ví dụ)
3. What and where (giải thích – ví dụ)
4. Matching (giải thích – ví dụ)
5. Bingo (giải thích – ví dụ)

6. Hướng dẫn học sinh học từ vựng ở nhà:

Để phát huy tốt tính tích cực chủ động sáng tạo của học sinh trong học tập, thì chúng ta cần tổ chức quá trình dạy học theo hướng tích cực hoá hoạt động của người học, trong quá trình dạy và học, giáo viên chỉ là người truyền tải kiến thức đến học sinh, học sinh muốn lĩnh hội tốt những kiến thức đó, thì các em phải tự học bằng chính các hoạt động của mình.

Hơn nữa thời gian học ở trường rất ít, cho nên đa phần thời gian còn lại ở gia đình các em phải tổ chức cho được hoạt động học tập của mình. Làm được điều đó, thì chắc chắn hoạt động dạy và học sẽ ngày càng hoàn thiện hơn.

Cho nên ngay từ đầu từ năm học, giáo viên cần hướng dẫn học sinh xây dựng hoạt động học tập ở nhà.

a/ Chuẩn bị từ vựng.

b/ Học thuộc lòng từ vựng.

*** Đối với giáo viên:**

- Lập kế hoạch dạy từ vựng sẽ được học hoặc ôn tập theo đặc trưng của từng tiết học.

- Lựa chọn trò chơi và biện pháp cho phù hợp theo từng nội dung bài.

- Chuẩn bị một số đồ dùng dạy học (bảng phụ dạy từ, bút lông, tranh, vật thật, thẻ bìa…..).

- Chuẩn bị máy tính, đèn chiếu nếu tiết dạy có sự hỗ trợ của việc ứng dụng công nghệ thông tin.

- Chuẩn bị, sắp xếp lớp học để tổ chức cho học sinh một số trò chơi có hiệu quả.

- Giao cho học sinh tự tìm hiểu từ về chủ đề sắp học trước khi có tiết học.

*** Đối với học sinh:**

- Chuẩn bị bài, đoán nghĩa của từ, tìm thêm các từ vựng có chủ đề liên quan đến bài học để mở rộng vốn từ.

*** Đối với phụ huynh**: Có thể giúp con em mình chuẩn bị từ trước.

7. Tạo không khí học tập:

*** Không khí lớp học vui vẻ**

Luôn tạo bầu không khí vui vẻ, thân thiện, gần gũi đôi khi là sự hài hước trong khi dạy cũng mang lại một giờ học rất hiệu quả và ấn tượng với học sinh.

Ví dụ: Trong bài dạy số đếm hàng chục ngoài cách ghép ra tôi phân biệt cho các em cách đọc khác giữa các từ 13-30, 14-40… 19-90 bằng một tình huống: sau khi hỏi học sinh về tuổi tôi yêu cầu học sinh hỏi lại tuổi của tôi rồi tôi trả lời I'm eighty. Tôi lặp lại vài lần từ đó chậm và rõ ràng thêm vào biểu cảm trên khuôn mặt tôi chợt thấy cả lớp bật lên cười, tôi thêm vài ví dụ nữa và sau buổi học tôi đã kiểm tra các em, tôi đọc, các em viết lại từ. Thật bất ngờ không những đọc tốt mà các em đã thuộc cả cách viết ngay tại lớp. Nhờ đó mà học sinh càng thêm yêu thích môn học và tích cực tham gia các hoạt động giáo viên đưa ra.

* **Khuyến khích, động viên**

Luôn khuyến khích động viên các em trong quá trình học, hướng dẫn các con làm danh sách từ theo chủ đề của riêng mình, dùng bút highlight để làm nổi các từ mới… Khích lệ các em tích cực tham gia vào các hoạt động học từ và tặng cho các em những hình dán ngộ nghĩnh vào sổ từ của học sinh.

*** Không chê**

Không chỉ trong việc học từ mà trong cả các phần học khác dù học sinh có đọc sai, chưa được chính xác thì tôi cũng không bao giờ vội chê các em ngay. Lúc đó, tôi vẫn vui vẻ khen các em, rồi bằng thái độ thiện cảm tôi đọc lại từ để học sinh đọc theo sửa hoặc chờ đến phần học mẫu câu, hội thoại… tôi đọc lại, nhấn mạnh từ đó, gọi một đến hai học sinh nhắc lại trong đó có cả những em đọc chưa đúng. Vì chúng ta có thể sửa cho học sinh trong suốt quá trình học. Như

vậy học sinh sẽ không ngại và hợp tác với cô hơn. Đặc biệt là những con học sinh còn nhút nhát, yếu và sợ môn học.

*** Thảo luận nhóm**

Thực tế là giáo viên thường đưa từ mời rồi dùng nhiều thủ thuật giới thiệu cho học sinh nhưng ít ai đưa việc học từ mới vào thảo luận nhóm nhưng qua quá trình thử hai đến ba lần tôi thấy việc thay đổi phương pháp cũng rất hiệu qủa tạo cho học sinh cảm giác mới lạ, hứng thú và tăng lên việc phối hợp trong nhóm, đội. Trong bài 6 lesson 1 phần hội thoại.

Các em được làm việc theo theo nhóm bốn đến sáu bạn ngồi quay mặt vào nhau cùng đọc và tìm hiểu nội dung bài đọc tìm từ mới rồi đoán, tự giải thích trong nhóm. Sau một đến hai phút đưa ra những từ mà nhóm chưa đoán được trước lớp. Lúc này cô mới gới ý và giới thiệu từ. Bằng cách làm này các em học sinh sẽ biết cách đoán từ trong ngữ cảnh, trong câu và các em sẽ nhớ từ nhanh hơn.

Tạo cho các em một thói quen biết suy luận và không còn thấy sợ khi gặp phải bài đọc có nội dung dài nhiều từ mới.

8. Kết quả:

a. Kết quả cụ thể:

Sau một thời gian áp dụng ***"Một số biện pháp dạy từ vựng môn Tiếng Anh ở lớp 4"***

Ngoài việc hướng dẫn cách đọc, phát âm đúng từ vựng, mẫu câu, luôn tạo cho học sinh tính chuyên cần, siêng năng khi đọc tiếng Anh, việc học của các em đã tăng đáng kể. Phần lớn các em đều thích học và đọc tiếng Anh với kết quả khá tiến bộ so với đầu năm.

Ngoài ra :

- Các tiết học trở nên sôi nổi và sinh động hơn.

- Học sinh đã thuộc các từ mới ngay tại lớp học.

- Vốn từ vựng của các em tăng lên rõ rệt.

- Các em học sinh yếu kém có thể sử dụng được từ vựng vào những câu đơn giản. Những học sinh khá có thể sử dụng từ vựng trong những câu phức tạp hơn.

b. Ưu điểm và hạn chế của sáng kiến kinh nghiệm.

* Ưu điểm:

- Có thể áp dụng rộng rãi, có tính khả thi cao.

- Áp dụng phương pháp này giúp học sinh năng động, sáng tạo, và có hứng thú hơn vào bài học và môn học.

* Hạn chế:

- Trường nằm ở địa bàn đông dân cư từ các tỉnh chuyển đến, bố mẹ phần lớn là dân lao động nên việc học Tiếng Anh còn nhiều hạn chế.

9. Bài học kinh nghiệm:

Qua quá trình giảng dạy, tôi đã rút ra được một số kinh nghiệm nhỏ cho mình trong việc giảng dạy như sau:

Trong quá trình dạy sẽ có rất nhiều khó khăn cho cả giáo viên và học sinh vì lẽ: học sinh khó tập trung nghiêm túc bởi các tác nhân xung quanh hoặc là do không thích học. Tuy nhiên giáo viên cần phải bình tĩnh xử lí từng tình huống một theo cách hợp lý và tốt nhất để tránh gây căng thẳng cho tiết học. Muốn vậy, tôi đã rút ra được một số nguyên tắc sau để đảm bảo cho tiết học có hiệu qủa, trong đó giáo viên và học sinh cần phải thực hiện một cách tích cực:

- Chuẩn bị bài dạy chu đáo trước khi đến lớp.

- Phân bố thời gian tiết dạy sao cho phù hợp và cân đối.

- Giáo viên và học sinh cần chủ động trong từng nhiệm vụ cũng như trong từng phần của bài học.

- Giáo viên cần có tầm quan sát tốt học sinh trong lớp.

- Khuyến khích học sinh học tập tích cực trong quá trình học. Ngay cả khi các em có đọc hay trả lời sai, giáo viên cần động viên tích cực để các em không mất tự tin.

- Kiểm tra sự hiểu bài của học sinh qua mỗi tiết dạy trong phần thực hành.
- Hướng dẫn học sinh cách học ở nhà.
- Học sinh cần chuẩn bị bài chu đáo trước khi đến lớp và học từ vựng ở nhà

PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận:

Sau một thời gian vận dụng các biện pháp giúp học sinh nhớ từ trong các tiết học ở trường. Tôi nhận thấy rằng: Tiết học ngày càng sinh động hơn, học sinh chủ động trong việc học nhờ vào lượng từ ngày càng được gia tăng. Học sinh có thói quen chủ động tham gia vào các trò chơi, sử dụng vốn từ vào giao tiếp thực tế có phần chuyển biến tốt hơn và đem lại kết quả khả quan. Việc vận dụng chúng đòi hỏi sự linh hoạt và biết chọn lọc của giáo viên để tránh sự nhàm chán cho học sinh và phù hợp cho từng bài dạy. Tùy vào loại từ mà chọn các biện pháp để đạt hiệu quả cao.

Dưới sự sáng tạo của giáo viên sẽ còn nhiều biện pháp khác nữa cho giáo viên vận dụng nhưng các biện pháp trên theo tôi là phổ biến, dễ thực hiện nhất và khả quan nhất. Tôi thực hiện đề tài này chỉ là một phần trong tiết học, tuy nhiên nó đóng vai trò rất quan trọng cho việc thực hành mẫu câu, việc đối thoại có trôi chảy, lưu loát hay không đều phải phụ thuộc vào việc học thuộc lòng từ vựng và phát âm có chuẩn hay không.

Nhưng để thực hiện giảng dạy tốt một tiết từ vựng, không chỉ cần có sự đầu tư vào bài giảng, vào các bước lên lớp của giáo viên, mà còn phụ thuộc rất nhiều vào sự hợp tác của học sinh.

Lợi ích: Qua một thời gian ứng dụng các biện pháp trên vào thực tế giảng dạy tôi nhận thấy một kết quả như sau:

* Đối với giáo viên:

- Chủ động tìm hiểu những kiến thức chuyên sâu về tâm lí của học sinh, từ đó có những cách thức lựa chọn trò chơi phù hợp từng đối tượng học sinh và từng bài học, giúp nâng cao động lực học Tiếng Anh cho các em.

- Các biện pháp giúp học sinh nhớ từ trên đa số được thực hiện dưới dạng các trò chơi nên không khí lớp học ít căng thẳng giúp cho tiết học sinh động và đạt hiệu quả cao.

- Giáo viên vận dụng các biện pháp trên giúp học sinh nhớ từ không những ở trên lớp mà còn giúp học sinh nhớ từ khi ở nhà.

* Đối với học sinh:

- Giúp các em có được động cơ học tập, tiếp thu bài tốt và nâng cao chất lượng học tập môn Tiếng Anh của mình.

- Các em có sự hứng thú cho môn học nhiều hơn, học được nhiều từ và nhớ từ hơn, khả năng tư duy của các em cũng tiến bộ hơn.

- Các em có học được từ, nắm được nghĩa và các sử dụng vốn từ vựng trong thực hành giao tiếp. Như vậy, các em sẽ có sự say mê trong việc học bộ môn này.

* Khả năng vận dụng: Sau một thời gian vận dụng các biện pháp giúp học sinh nhớ từ trên lớp và một số biện pháp giúp học sinh nhớ từ khi ở nhà. Nguồn từ vựng của học sinh tăng lên rõ rệt. Có được nguồn từ vựng này sẽ giúp các em tích cực tham gia học tập, nghiên cứu, tự tin hơn trong thực hành và giao tiếp, góp phần nâng cao chất lượng của học sinh và hiệu quả giảng dạy của giáo viên. Như vậy, việc vận dụng các biện pháp giúp học sinh nhớ từ ở trên lớp, không chỉ tạo không khí vui vẻ, phấn khởi học tập của học sinh, mà là một biện pháp khoa học, sáng tạo của người thầy. Tôi tin rằng nếu tiếp tục thực hiện sáng kiến kinh nghiệm này một cách nghiêm túc, xuyên suốt quá trình giảng dạy thì chất lượng học tập bộ môn Tiếng Anh trong trường Tiểu học sẽ có được những kết quả khả quan hơn.

2. Khuyến nghị:

Để việc vận dụng các biện pháp này thành công và hiệu quả hơn nữa trong các tiết dạy, tôi có một số đề xuất, kiến nghị như sau: Ngoài những đợt tập huấn về phương pháp giảng dạy của giáo trình Tiếng Anh do Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội tổ chức hàng năm. Phòng Giáo dục và Đào tạo quận tiếp tục tổ chức thêm những buổi bồi dưỡng, thao giảng chuyên đề để giáo viên Tiếng Anh trong toàn Quận có cơ hội học hỏi, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau. Bên cạnh đó, việc trang bị các trang thiết bị cho các trường như: Phòng Lab, phòng nghe-nhìn, tranh ảnh minh họa, … là thật sự cần thiết nhằm đưa chất lượng giáo dục môn Tiếng Anh ngày càng được nâng cao.

Tôi xin cam đoan đây là sáng kiến kinh nghiệm do mình viết, không sao chép nội dung của người khác.

Hà Nội, ngày 9 tháng 3 năm 2020

Người thực hiện

Lê Thị Hằng

Phiếu điều tra thực trạng trước khi thực hiện sáng kiến.

Tôi cho học sinh làm bài kiểm tra từ vựng, tôi yêu cầu các em nối từ Tiếng Anh với nghĩa từ Tiếng Việt phù hợp (Matching). Dịch từ sang Tiếng Việt, dịch từ sang Tiếng Anh. Cuối cùng tôi thu được kết quả như sau:

Tổng số học sinh	**Nối từ**	**Dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt**	**Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh**
60	40	35	22

Phiếu điều tra thực trạng sau khi thực hiện sáng kiến.

Đến cuối năm tôi cho học sinh làm bài kiểm tra như dạng đầu năm thì kết quả có chuyển biến rõ rệt thể hiện qua số liệu dưới đây:

Tổng số học sinh	**Nối từ**	**Dịch từ Tiếng Anh sang Tiếng Việt**	**Dịch từ Tiếng Việt sang Tiếng Anh**
60	58	57	41